|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Quy định đánh giá, xếp loại chính quyền địa phương**

**ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND*

*ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. **Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định tiêu chí và quy trình đánh giá, chấm điểm, xếp loại hàng năm đối với chính quyền địa phương ở các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (sau đây gọi là chính quyền địa phương ở cấp xã).

1. **Đối tượng áp dụng**

a) Chính quyền địa phương ở cấp xã gồm: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quá trình đánh giá, xếp loại chính quyền địa phương ở cấp xã.

**Điều 2. Mục đích đánh giá, xếp loại**

1. Việc đánh giá, xếp loại chính quyền địa phương ở cấp xã nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động và tăng cường công tác quản lý nhà nước ở cơ sở; chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật công vụ; đánh giá đúng thực chất hoạt động của chính quyền cơ sở trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và ý kiến chỉ đạo của cấp trên.

2. Thông qua đánh giá, xếp loại khẳng định những mặt ưu điểm, những mặt còn hạn chế, yếu kém, qua đó phát huy những mặt tích cực và khắc phục những mặt còn hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo, quản lý để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương cấp xã, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh ở xã, phường, thị trấn; đồng thời làm cơ sở để giúp cho các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng hoạch định cơ chế, chính sách góp phần xây dựng, củng cố chính quyền địa phương trong sạch, vững mạnh.

3. Kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của chính quyền địa phương ở cấp xã là tiêu chí để bình xét thi đua - khen thưởng và đánh giá, xếp loại đối với các tập thể, cán bộ, công chức cuối năm.

**Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại**

1. Việc tiến hành đánh giá, xếp loại chính quyền địa phương ở cấp xã phải căn cứ vào các tiêu chí quy định tại Quyết định này, trên kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, UBND cấp xã theo quy định pháp luật, đồng thời phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, chính xác, toàn diện, dân chủ, công khai, minh bạch và phản ánh đúng tình hình thực tiễn, đặc điểm cụ thể của địa phương.

2. Việc đánh giá, xếp loại là công việc quan trọng được tiến hành hàng năm phải tạo động lực thi đua xây dựng chính quyền địa phương ở cấp xã trong sạch, vững mạnh.

**Chương II**

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI**

**Điều 4. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm**

| **STT** | **Tiêu chí** | **Điểm chuẩn** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Phát triển kinh tế - xã hội** | **50** |  |
| ***1*** | ***Lĩnh vực kinh tế*** | ***25*** |  |
| *1.1* | *Sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn; ứng phó thiên tai* | *8/5* | *5 điểm đối với phường, thị trấn* |
| a | Thực hiện các chỉ tiêu phát triển nông - lâm - ngư nghiệp đạt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra; có nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả | 4/1 | *1 điểm đối với phường, thị trấn* |
| b | Thực hiện xây dựng xã nông thôn mới; nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; xây dựng phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh theo đúng lộ trình, kế hoạch | 2 |  |
| c | Chủ động ứng phó kịp thời, có hiệu quả đối với diễn biến bất lợi về thiên tai, bão lũ | 2 |  |
| *1.2* | *Hạ tầng, đô thị, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ, du lịch* | *5/8* | *8 điểm đối với phường, thị trấn* |
| a | Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng, thương mai, dịch vụ đạt và vượt kế hoạch | 2/4 | *4 điểm đối với phường, thị trấn* |
| b | Khai thác sử dụng và bảo vệ tốt các công trình đường giao thông, điện, nước sinh hoạt, thủy lợi… trên địa bàn | 2 |  |
| c | Quản lý hành chính đối với các hoạt động xây dựng, nhà đất trong phạm vi quản lý đảm bảo đúng quy định | 1/2 | *2 điểm đối với phường, thị trấn* |
| *1.3* | *Tài chính – kế hoạch* | *5* |  |
| a | Thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu thu ngân sách Nhà nước, các loại thuế, phí và lệ phí trên địa bàn | 2 |  |
| b | Thu, chi, quyết toán ngân sách theo đúng quy định; quản lý thu, chi tài chính rõ ràng, minh bạch đúng quy định của Nhà nước | 2 |  |
| c | Quản lý tốt công trình, dự án được cấp trên giao thực hiện trên địa bàn | 1 |  |
| *1.4* | *Về tài nguyên và môi trường* | *7* |  |
| a | Quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thẩm quyền | 2 |  |
| b | Thực hiện hòa giải, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên, môi trường theo quy định. | 1 |  |
| c | Phối hợp thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng tại địa phương; thực hiện tốt việc đăng ký, quản lý hồ sơ địa chính; theo dõi biến động đất đai và chỉnh lý hồ sơ địa chính; thống kê, kiểm kê đất đai; không để tranh chấp đất đai xảy ra. | 2 |  |
| d | Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn; các hoạt động bảo vệ môi trường và vệ sinh môi trường khu dân cư được thực hiện tốt | 1 |  |
| e | Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch hợp vệ sinh ở thành thị đạt 95%, ở nông thôn đạt 93% trở lên; tỷ lệ thu gom rác thải ở khu vực nông thôn đạt 80%, các khu vực dân cư tập trung có hệ thống thu gom, tiêu thoát nước | 1 |  |
| ***2*** | ***Lĩnh vực văn hóa – xã hội*** | ***25*** |  |
| *2.1* | *Giáo dục và đào tạo* | *6* |  |
| a | Đảm bảo chỉ tiêu huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường theo chỉ tiêu của huyện, thị xã, thành phố hoặc HĐND cùng cấp giao | 2 |  |
| b | Thực hiện tốt phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, trung học cơ sở; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (*phổ thông, trung cấp,..)* đạt chỉ tiêu theo kế hoạch | 2 |  |
| c | Trường học đạt chuẩn quốc gia theo kế hoạch; mạng lưới trường, lớp đạt so với kế hoạch | 2 |  |
| *2.2* | *Y tế, dân số, KHH gia đình* | *6* |  |
| a | Thực hiện tốt các chương trình quốc gia về y tế; phòng, chống có hiệu quả dịch bệnh; chỉ đạo thực hiện tốt chuẩn quốc gia về y tế xã | 2 |  |
| b | Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 90% | 1 |  |
| c | Thực hiện đạt các chỉ tiêu về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên xuống dưới 15% | 2 |  |
| d | Tỉ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi hàng năm giảm đạt chỉ tiêu của huyện, thị xã, thành phố hoặc HĐND cùng cấp giao | 1 |  |
| *2.3* | *Văn hoá, xã hội* | *6* |  |
| a | Thực hiện tốt các quy định về xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; không có bạo lực gia đình | 2 |  |
| b | 93% làng, bản, khu phố được công nhận làng, bản, khu phố văn hóa; 90% hộ gia đình trở lên được công nhận gia đình văn hóa | 2 |  |
| c | Phối hợp và thực hiện tốt công tác bảo tồn các di tích, loại hình văn hóa dân gian; duy trì phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ và thể dục thể thao ở địa phương | 1 |  |
| d | 90% làng, bản, khu phố có nhà văn hóa, trung tâm học tập cộng đồng | 1 |  |
| *2.4* | *Lĩnh vực xã hội* | *7* |  |
| a | Công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ, hỗ trợ người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực đời sống gia đình và xã hội được thực hiện tốt | 1 |  |
| b | Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách, quy định của Nhà nước đối với gia đình chính sách, đối tượng xã hội; huy động các nguồn lực chăm sóc gia đình chính sách, đối tượng xã hội gặp khó khăn; tổ chức tốt các hoạt động từ thiện, nhân đạo tại địa phương | 2 |  |
| c | Tạo việc làm mới cho người lao động đạt chỉ tiêu huyện, thị xã, thành phố hoặc HĐND cùng cấp giao | 2 |  |
| d | Giảm tỉ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm đạt chỉ tiêu huyện, thị xã, thành phố hoặc HĐND cùng cấp giao, 100% hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ các chế độ, chính sách của Nhà nước theo quy định | 2 |  |
| **II** | **Thi hành pháp luật, Quốc phòng - An ninh -Trật tự xã hội** | **19** |  |
| ***1*** | ***Thi hành pháp luật*** | ***9*** |  |
| 1.1 | Triển khai tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, của cấp trên và của địa phương | 2 |  |
| 1.2 | Phối hợp thực hiên tốt việc thi hành án tại địa phương | 1 |  |
| 1.3 | Phát hiện, xử lý vi phạm hành chính kịp thời, đúng quy định | 1 |  |
| 1.4 | Thực hiện đúng quy định về đăng ký và quản lý hộ tịch | 1 |  |
| 1.5 | Thực hiện đúng quy định về chứng thực; công tác đăng ký, quản lý cư trú | 1 |  |
| 1.6 | Thực hiện nghiêm túc việc tổ chức tiếp công dân, giải quyết kịp thời, có hiệu quả đơn thư khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân, không để khiếu kiện kéo dài vượt cấp | 2 |  |
| 1.7 | Ban hành và thực hiện tốt các quy định về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí | 1 |  |
| ***2*** | ***Quốc phòng*** | ***4*** |  |
| 2.1 | Hoàn thành kế hoạch diễn tập, huấn luyện dân quân tự vệ, huấn luyện dự bị động viên; thực hiện tốt chỉ tiêu tuyển quân, không có trường hợp loại trả, đào bỏ ngũ. | 2 |  |
| 2.2 | Xây dựng cơ sở an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu ở từng làng, bản, khu phố; Hoàn thành chỉ tiêu bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho cán bộ thuộc đối tượng 3, đối tượng 4, chức sắc, chức việc; phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh cho toàn dân. | 2 |  |
| ***3*** | ***An ninh –Trật tự xã hội*** | **6** |  |
| 3.1 | Xây dựng kế hoạch và thực hiện các biện pháp đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, các tệ nạn xã hội và hành vi vi phạm pháp luật khác có hiệu quả, không để xảy ra các vụ trọng án | 2 |  |
| 3.2 | Xử lý dứt điểm các vụ việc liên quan đến lĩnh vực ANTT, các tệ nạn xã hội, xây dựng địa bàn xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí “An toàn về an ninh trật tự” | 2 |  |
| 3.3 | Quản lý tốt các hoạt động tôn giáo, không để xảy ra tình trạng lợi dụng về tự do tín ngưỡng gây chia rẽ dân tộc, gây rối, bạo loạn về an ninh trật tự tại địa bàn quản lý. Không để tình trạng truyền đạo trái phép xảy ra trên địa bàn | 2 |  |
| **III** | **Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương** | **16** |  |
| **1** | ***Hoạt động của Hội đồng nhân dân*** | 8 |  |
| 1.1 | Chuẩn bị và tổ chức các kỳ họp của Hội đồng nhân dân theo đúng quy định của luật (*đảm bảo về thời gian và nội dung, chất lượng kỳ họp*); đại biểu tham dự đầy đủ các kỳ họp hoặc không tham dự nhưng có lý do chính đáng | 3 |  |
| 1.2 | Ban hành các Nghị quyết sát với tình hình phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương; thực hiện đúng quy trình xây dựng, ban hành văn bản theo quy định; nghị quyết ban hành phù hợp với quy định của pháp luật | 2 |  |
| 1.3 | Xây dựng và thực hiện chương trình giám sát hàng năm, đảm bảo và thực hiện tốt chức năng giám sát của HĐND, đại biểu HĐND trong mọi lĩnh vực của địa phương | 2 |  |
| 1.4 | Đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tham gia tiếp xúc cử tri theo quy định | 1 |  |
| **2** | ***Hoạt động của Ủy ban nhân dân*** | **8** |  |
| 2.1 | Ban hành Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên UBND; có chương trình công tác năm, quý, tháng, lịch công tác tuần; thực hiện chế độ họp thường kỳ để giải quyết công việc theo đúng quy định | 2 |  |
| 2.2 | Thực hiện tốt Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, các văn bản chỉ đạo của cơ quan nhà nước cấp trên và chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. | 2 |  |
| 2.3 | Thực hiện việc công khai thông tin ở xã, phường, thị trấn theo đúng quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở; Thực hiện việc tổ chức đối thoại với nhân dân ít nhất một năm một lần | 2 |  |
| 2.4 | Thực hiện hiện chế độ thông tin, báo cáo đầy đủ kịp thời đảm bảo 100% | 2 |  |
| **IV** | **Về cán bộ, công chức** | **3** |  |
| 1 | Các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức được thực hiện đảm bảo, không có khiếu kiện khiếu nại | 1 |  |
| 2 | Thực hiện cập nhật phần mềm Thông tin công chức, viên chức của tỉnh đầy đủ, kịp thời | 1 |  |
| 3 | 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định | 1 |  |
| **V** | **Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính:** | **7** |  |
| 1 | Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính xếp loại tốt | 7 |  |
| 2 | Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính xếp loại khá | 5 |  |
| 3 | Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính xếp loại trung bình | 3 |  |
| 4 | Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính xếp loại thấp | 0 |  |
| **V** | **Điểm thưởng: Nhiều tiêu chí về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh… vượt so với kế hoạch; đạt một số thành tích xuất sắc trong hoạt động thực hiện nhiệm vụ** | **5** |  |
| 1 | Tiêu chí về phát triển kinh tế - xã hội | **3** |  |
| 1.1 | Vượt trên 20% so với kế hoạch giao | 3 |  |
| 1.2 | Vượt từ 15% - 20% so với kế hoạch giao | 2 |  |
| 1.3 | Vượt dưới 15% so với kế hoạch giao | 1 |  |
| 2 | Đạt được một số thành tích xuất sắc trong hoạt động thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị tại địa phương được cấp có thẩm quyền công nhận. | **2** |  |
|  | **Tộng cộng điểm** | **100** |  |

**Điều 5. Cách chấm điểm**

1. Tùy theo mức độ hoàn thành của từng tiêu chí để chấm từ 0 đến điểm tối đa theo điểm chuẩn quy định. Điểm được làm tròn 02 số sau dấu phẩy. Điểm tổng cộng là tổng điểm của từng tiêu chí và điểm thưởng nhưng tối đa không quá 100 điểm.

2. Đối với các tiêu chí có định lượng: Nếu hoàn thành từ 100% so với kế hoạch trở lên thì chấm điểm tối đa; nếu hoàn thành từ 80% đến dưới 100% so với kế hoạch thì trừ đi 1/3 số điểm của tiêu chí đó; nếu hoàn thành từ 50% đến dưới 80% so với kế hoạch thì trừ đi 2/3 điểm của tiêu chí đó; nếu hoàn thành dưới 50% so với kế hoạch thì không chấm điểm.

3. Đối với các tiêu chí không định lượng được: Nếu thực hiện đầy đủ, đảm bảo chất lượng và đúng thời gian thì chấm điểm tối đa; nếu thực hiện không đầy đủ hoặc đầy đủ nhưng không đúng thời gian thì trừ đi 1/3 số điểm; nếu thực hiện không đầy đủ và không đúng thời gian thì trừ đi 2/3 số điểm; nếu không thực hiện thì chấm 0 điểm.

4.Sau khi chấm điểm theo quy định, những đơn vị nào vi phạm các nội dung sau sẽ bị trừ 5 điểm.

a) Có cán bộ, công chức thuộc Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân vi phạm đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo và hạ bậc lương bị trừ 03 điểm.

b) Để xảy ra vụ án nghiêm trọng trở lên trên địa bàn bị trừ 5 điểm.

**Điều 6. Xếp loại**

1. Căn cứ vào kết quả chấm điểm của từng đơn vị để xếp loại theo 04 mức sau:

a) Xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với xã, phường, thị trấn đạt từ 90 điểm trở lên.

b) Xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ xã, phường, thị trấn đạt từ 75 đến dưới 90 điểm.

c) Xếp loại hoàn thành nhiệm vụ đối với xã, phường, thị trấn đạt từ 50 đến dưới 75 điểm.

d) Xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ đối với xã, phường, thị trấn đạt dưới 50 điểm.

2. Số lượng xã, phường, thị trấn được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mỗi huyện, thị xã, thành phố hàng năm không được vượt quá 20% số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố.

3. Những đơn vị nào vi phạm một trong những nội dung sau đây thì hạ 01 bậc xếp loại so với loại đạt được:

a) Nội bộ mất đoàn kết kéo dài, không xử lý kiên quyết, dứt điểm.

b) Vi phạm quy chế dân chủ, để xảy ra tình hình mất ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, để xảy ra điểm nóng.

c) Ban hành các văn bản trái chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

d)  Không chấp hành nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của cơ quan cấp trên mà không có lý do chính đáng.

e) Có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật từ hình thức cách chức, bãi nhiệm, hạ bậc lương, giáng chức, buộc thôi việc hoặc vi phạm pháp luật bị tòa án tuyên là có tội.

g) Để xảy ra vi phạm nghiêm trọng về quản lý đất đai, khoáng sản, lâm sản và môi trường hoặc tham nhũng, lãng phí đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận.

**Chương III**

**QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI**

**VÀ LƯU TRỮ HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI**

**Điều 7. Quy trình đánh giá, xếp loại**

**1. Tự đánh giá, xếp loại**

a) Hàng năm, Thường trực HĐND và UBND cấp xã phối hợp tổ chức tiến hành tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm của đơn vị mình theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Quy định này, gửi Phòng Nội vụ huyện, thị xã, thành phố chậm nhất là ngày 05/12. Số liệu làm cơ sở đánh giá tính đến ngày 15/11 hàng năm và ước tính thực hiện các nhiệm vụ đến 31/12 hàng năm.

b) Thành phần tham gia tự đánh giá, xếp loại: Thường trực Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc, các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội cấp xã và thành viên Ủy ban nhân dân cấp xã.

**2. Hồ sơ UBND cấp xã gửi Phòng Nội vụ gồm:**

a) Báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại chính quyền của đơn vị (Gửi Thường trực HĐND, các phòng, ban thuộc UBND cấp huyện).

b) Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của năm đánh giá (bản chính thức), Nghị quyết của HĐND xã, phường, thị trấn về nhiệm vụ Kinh tế - Xã hội, Quốc phòng - An ninh của năm đánh giá (bản chính thức);

c) Hồ sơ, tài liệu chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại theo các tiêu chí quy định tại Điều 4 Quy định này: Các văn bản pháp luật, văn bản giao nhiệm vụ; văn bản, tài liệu kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và kết quả hoạt động, quản lý điều hành, thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

**3. Đánh giá, xếp loại của các phòng, ban thuộc UBND cấp huyện và cơ quan, tổ chức liên quan**

Từ ngày 05/12 đến ngày 15/12 hàng năm các phòng, ban thuộc UBND huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ theo chức năng nhiệm vụ tiến hành đánh giá, chấm điểm, xếp loại mức độ thực hiện nhiệm vụ của các xã, phường, thị trấn đối với các tiêu chí có liên quan theo yêu cầu của UBND huyện, thành phố, thị xã và gửi kết quả thẩm định về Phòng Nội vụ.

**4. Thẩm định đánh giá, xếp loại**

a) Từ ngày 15/12 đến ngày 25/12 hàng năm, trên cơ sở kết quả tự đánh giá xếp loại của các xã, phường, thị trấn và kết quả đánh giá, xếp loại của các phòng, ban chuyên môn và các cơ quan, đơn vị liên quan, Phòng Nội vụ tiến hành tổng hợp, dự kiến xếp loại và tham mưu tổ chức Hội nghị thẩm định đánh giá, xếp loại.

b) Thành phần tham gia hội nghị thẩm định đánh giá, xếp loại, gồm:

- Chủ trì hội nghị: Chủ tịch UBND cấp huyện;

- Thư ký: Trưởng hoặc Phó Trưởng phòng Nội vụ;

- Thường trực HĐND cấp xã, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện; Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chánh Thanh tra cấp huyện, Trưởng Công an cấp huyện; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện; lãnh đạo các cơ quan có liên quan đến các tiêu chí chấm điểm.

**5. Quyết định đánh giá, xếp loại**

Trên cơ sở kết quả thẩm định, UBND huyện, thành phố, thị xã quyết định đánh giá, xếp loại các xã, phường, thị trấn trước ngày 31/12 hàng năm. Quyết định xếp loại gửi đến Sở Nội vụ; Huyện, Thành, Thị ủy; các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; các cơ quan, đơn vị cấp huyện có liên quan; HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn.

**Điều 8. Lưu trữ hồ sơ đánh giá, xếp loại**

Phòng Nội vụ huyện, thành phố, thị xã thực hiện việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu đánh giá, xếp loại xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

**Chương IV**

**KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

**Điều 9.** **Khen thưởng và kỷ luật**

**1. Khen thưởng**

a) Hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ kết quả xếp loại chính quyền cấp xã, Quyết định khen thưởng những đơn vị đạt loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*.*

b) Những đơn vị 03 năm liền đạt loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập thủ tục đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng theo quy định.

**2. Kỷ luật**

Chính quyền cấp xã xếp loại chưa hoàn thành nhiệm vụ, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ mức độ vi phạm tiến hành thực hiện việc kiểm điểm đối với tổ chức và xử lý kỷ luật cá nhân có liên quan; đồng thời yêu cầu tổ chức vi phạm xây dựng kế hoạch để khắc phục những hạn chế, yếu kém.

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**

1. Sở Nội vụ: Căn cứ Quy định này thực hiện việc hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương tổ chức thực hiện đánh giá xếp loại chính quyền địa phương ở cấp xã trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy định.

2. UBND huyện, thành phố, thị xã:

a) Căn cứ tiêu chí đánh giá, xếp loại chính quyền địa phương ở cấp xã tại điều 3 Quy định này, UBND các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo các phòng, ban và các xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện.

b) Theo dõi, đôn đốc và chỉ đạo kịp thời việc thực hiện các chỉ tiêu đã đề ra. Tập trung chỉ đạo các xã, phường, thị trấn trong năm xếp loại hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ và các tiêu chí còn đạt thấp;

c) Trong trường hợp chính quyền địa phương các xã, phường, thị trấn đã được công nhận xếp loại, nhưng sau đó mới phát hiện có khuyết điểm thì UBND huyện, thành phố, thị xã phải xem xét, làm rõ. Nếu kết luận có khuyết điểm thì hủy bỏ kết quả đã công nhận và tiến hành xếp loại lại.

3. Phòng Nội vụ huyện, thành phố, thị xã: Chủ trì phối hợp với các phòng, ban có liên quan tham mưu UBND huyện, thành phố, thị xã theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện đánh giá, xếp loại chính quyền địa phương ở cấp xã, kịp thời tham mưu UBND huyện, thành phố, thị xã theo đúng yêu cầu tại Quy định này.

4. Đối với các xã, phường, thị trấn: Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn phối hợp với Ủy ban mặt trận TQVN và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp thực hiện tự đánh giá, xếp loại chính quyền địa phương ở đơn vị mình và báo cáo kết quả để Đảng ủy có ý kiến trước khi gửi kết quả đến UBND huyện, thành phố, thị xã./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH** |